

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH TRƯỜNG PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH TRƯỜNG PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH TRUONG PHAT PRODUCTION TRADING SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MINH TRUONG PHAT PRODUCTION TRADING SERVICE CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 3702817623

3. Ngày thành lập: 10/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 5 Đường Số 1, Trung Tâm Hành Chính Dĩ An, Phường Dĩ An, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic; Sản xuất hạt nhựa (không hoạt động tại trụ sở)	2220(Chính)
2.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh. Bán buôn cao su. Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt. Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. Bán buôn giấy các loại; Bán buôn nhựa và các sản phẩm từ nhựa. Bán buôn các sản phẩm cơ khí (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động)	4669
3.	Xây dựng nhà để ở	4101
4.	Xây dựng nhà không để ở	4102
5.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
6.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
7.	Xây dựng công trình điện	4221
8.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
9.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
10.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
11.	Xây dựng công trình thủy	4291
12.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
13.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

14.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
15.	Phá dỡ	4311
16.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
17.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
18.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
19.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
20.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
21.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322
22.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
23.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc. Hoạt động đo đạc và bản đồ. Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước. Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Tư vấn xây dựng (trừ khảo sát xây dựng). Giám sát thi công. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng-công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng-công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế công trình cấp thoát nước. Thiết kế thông gió, điều hoà không khí trong công trình xây dựng. Thiết kế điện công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế kiến trúc công trình. Thiết kế nội, ngoại thất công trình. Thiết kế công trình giao thông. Thiết kế hệ thống cấp điện, điều hoà không khí công trình.	7110
24.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
25.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh được phẩm)	4649
26.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ mua bán vàng miếng)	4662
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
29.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
30.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
31.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
32.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
33.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
34.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ Quán rượu, bia, quầy bar)	5630

35.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn. Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
36.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
37.	Thu gom rác thải độc hại Chi tiết: Thu gom rác thải y tế; Thu gom rác thải độc hại khác	3812
38.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
39.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại Chi tiết: Xử lý và tiêu hủy rác thải y tế; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại khác	3822
40.	Tái chế phế liệu Chi tiết: Tái chế phế liệu kim loại; Tái chế phế liệu phi kim loại	3830
41.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
42.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
43.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
44.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
45.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa	4610
46.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Cưa, xẻ và bào gỗ. Bảo quản gỗ	1610
47.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
48.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
49.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
50.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
51.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
52.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh. Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	4932
53.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hoá lỏng khí để vận chuyển)	4933
54.	Vận tải đường ống	4940
55.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
56.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
57.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh vận tải bằng đường hàng không)	5229
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222

61.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
62.	Cho thuê xe có động cơ	7710
63.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
64.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
65.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất gạch không nung (không hoạt động tại trụ sở)	2392

6. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ DUNG	5 Dốc An Dương, Tổ 51A, Cụm 8, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	450.000.000	30,000	037172000027	
2	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	Thôn Ngô Thượng, Xã Ninh Hòa, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	600.000.000	40,000	037084000907	
3	TRỊNH XUÂN TRƯỜNG	Thôn Quang Hoa, Xã Xuân Minh, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	450.000.000	30,000	171853833	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN ĐỊNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/06/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 037084000907

Ngày cấp: 16/05/2019

Nơi cấp: Cục Trưởng Cục Cảnh Sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Ngô Thượng, Xã Ninh Hòa, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 5 Đường Số 1, Trung Tâm Hành Chính Dĩ An, Phường Dĩ An, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương